

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

| TT | XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU       | SỐ CÔNG DÂN<br>(NGƯỜI) | KINH PHÍ               |
|----|---------------------------|------------------------|------------------------|
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>2.138.330</b>       | <b>213.833.000.000</b> |
| 1  | Xã Bình Sơn               | 87.437                 | 8.743.700.000          |
| 2  | Phường Kon Tum            | 73.511                 | 7.351.100.000          |
| 3  | Phường Nghĩa Lộ           | 71.625                 | 7.162.500.000          |
| 4  | Xã An Phú                 | 71.271                 | 7.127.100.000          |
| 5  | Phường Cẩm Thành          | 59.049                 | 5.904.900.000          |
| 6  | Xã Tư Nghĩa               | 58.217                 | 5.821.700.000          |
| 7  | Xã Vạn Tường              | 58.177                 | 5.817.700.000          |
| 8  | Xã Đông Sơn               | 56.263                 | 5.626.300.000          |
| 9  | Xã Tịnh Khê               | 55.977                 | 5.597.700.000          |
| 10 | Phường Trương Quang Trọng | 48.225                 | 4.822.500.000          |
| 11 | Phường Trà Câu            | 45.228                 | 4.522.800.000          |
| 12 | Xã Sơn Tịnh               | 42.318                 | 4.231.800.000          |
| 13 | Phường Đức Phổ            | 40.831                 | 4.083.100.000          |
| 14 | Xã Long Phụng             | 39.931                 | 3.993.100.000          |
| 15 | Xã Nghĩa Giang            | 38.983                 | 3.898.300.000          |
| 16 | Xã Vệ Giang               | 38.481                 | 3.848.100.000          |
| 17 | Xã Mỏ Cày                 | 38.478                 | 3.847.800.000          |
| 18 | Xã Lân Phong              | 36.009                 | 3.600.900.000          |
| 19 | Xã Đình Cương             | 35.954                 | 3.595.400.000          |
| 20 | Xã Mộ Đức                 | 35.606                 | 3.560.600.000          |
| 21 | Xã Đăk Hà                 | 35.360                 | 3.536.000.000          |
| 22 | Xã Đăk Tô                 | 34.349                 | 3.434.900.000          |
| 23 | Xã Bờ Y                   | 33.901                 | 3.390.100.000          |
| 24 | Phường Sa Huỳnh           | 32.097                 | 3.209.700.000          |
| 25 | Xã Nghĩa Hành             | 31.284                 | 3.128.400.000          |
| 26 | Phường Đăk Cẩm            | 29.105                 | 2.910.500.000          |
| 27 | Xã Khánh Cường            | 28.435                 | 2.843.500.000          |
| 28 | Xã Thọ Phong              | 27.666                 | 2.766.600.000          |
| 29 | Xã Đăk Rơ Wa              | 25.811                 | 2.581.100.000          |
| 30 | Xã Sơn Hạ                 | 24.873                 | 2.487.300.000          |
| 31 | Đặc khu Lý Sơn            | 24.729                 | 2.472.900.000          |
| 32 | Xã Ngọc Bay               | 23.971                 | 2.397.100.000          |

ĐVT: đồng

| TT | XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU | SỐ CÔNG DÂN<br>(NGƯỜI) | KINH PHÍ      |
|----|---------------------|------------------------|---------------|
| 33 | Xã Phước Giang      | 23.760                 | 2.376.000.000 |
| 34 | Xã Trường Giang     | 22.007                 | 2.200.700.000 |
| 35 | Xã Ia Chim          | 21.719                 | 2.171.900.000 |
| 36 | Phường Đắk Bla      | 21.463                 | 2.146.300.000 |
| 37 | Xã Ba Gia           | 21.454                 | 2.145.400.000 |
| 38 | Xã Trà Giang        | 20.755                 | 2.075.500.000 |
| 39 | Xã Sơn Hà           | 20.185                 | 2.018.500.000 |
| 40 | Xã Bình Minh        | 19.714                 | 1.971.400.000 |
| 41 | Xã Đắk Mar          | 19.610                 | 1.961.000.000 |
| 42 | Xã Sa Thầy          | 19.494                 | 1.949.400.000 |
| 43 | Xã Trà Bồng         | 18.554                 | 1.855.400.000 |
| 44 | Xã Kon Braih        | 18.105                 | 1.810.500.000 |
| 45 | Xã Nguyễn Nghiêm    | 17.939                 | 1.793.900.000 |
| 46 | Xã Thiện Tín        | 17.333                 | 1.733.300.000 |
| 47 | Xã Sơn Linh         | 17.180                 | 1.718.000.000 |
| 48 | Xã Đắk Pék          | 17.159                 | 1.715.900.000 |
| 49 | Xã Sa Bình          | 16.790                 | 1.679.000.000 |
| 50 | Xã Bình Chương      | 16.507                 | 1.650.700.000 |
| 51 | Xã Dục Nông         | 15.694                 | 1.569.400.000 |
| 52 | Xã Kon Đào          | 13.366                 | 1.336.600.000 |
| 53 | Xã Sơn Thủy         | 12.772                 | 1.277.200.000 |
| 54 | Xã Sa Loong         | 12.657                 | 1.265.700.000 |
| 55 | Xã Đắk Ui           | 12.210                 | 1.221.000.000 |
| 56 | Xã Sơn Kỳ           | 12.167                 | 1.216.700.000 |
| 57 | Xã Đắk Môn          | 12.128                 | 1.212.800.000 |
| 58 | Xã Ba Tơ            | 12.082                 | 1.208.200.000 |
| 59 | Xã Ngọc Réo         | 11.960                 | 1.196.000.000 |
| 60 | Xã Tây Trà          | 11.681                 | 1.168.100.000 |
| 61 | Xã Đắk Pxi          | 11.450                 | 1.145.000.000 |
| 62 | Xã Ba Vì            | 11.338                 | 1.133.800.000 |
| 63 | Xã Đông Trà Bồng    | 11.093                 | 1.109.300.000 |
| 64 | Xã Ya Ly            | 10.602                 | 1.060.200.000 |
| 65 | Xã Minh Long        | 10.005                 | 1.000.500.000 |
| 66 | Xã Sơn Mai          | 9.929                  | 992.900.000   |
| 67 | Xã Sơn Tây          | 9.675                  | 967.500.000   |

DVT: đồng

| TT | XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU | SỐ CÔNG DÂN<br>(NGƯỜI) | KINH PHÍ    |
|----|---------------------|------------------------|-------------|
| 68 | Xã Ba Tô            | 9.592                  | 959.200.000 |
| 69 | Xã Kon Plông        | 9.497                  | 949.700.000 |
| 70 | Xã Măng Bút         | 9.135                  | 913.500.000 |
| 71 | Xã Đăk Tờ Kan       | 9.122                  | 912.200.000 |
| 72 | Xã Măng Đen         | 9.105                  | 910.500.000 |
| 73 | Xã Măng Ri          | 8.742                  | 874.200.000 |
| 74 | Xã Ngọc Tụ          | 8.432                  | 843.200.000 |
| 75 | Xã Tây Trà Bồng     | 8.132                  | 813.200.000 |
| 76 | Xã Đăk Rve          | 8.120                  | 812.000.000 |
| 77 | Xã Ba Động          | 7.811                  | 781.100.000 |
| 78 | Xã Thanh Bồng       | 7.514                  | 751.400.000 |
| 79 | Xã Sơn Tây Thượng   | 7.401                  | 740.100.000 |
| 80 | Xã Ba Dinh          | 7.286                  | 728.600.000 |
| 81 | Xã Đăk Long         | 6.871                  | 687.100.000 |
| 82 | Xã Đăk Sao          | 6.867                  | 686.700.000 |
| 83 | Xã Ia Toi           | 6.783                  | 678.300.000 |
| 84 | Xã Tu Mơ Rông       | 6.739                  | 673.900.000 |
| 85 | Xã Ngọc Linh        | 6.519                  | 651.900.000 |
| 86 | Xã Rờ Koi           | 6.474                  | 647.400.000 |
| 87 | Xã Ba Vinh          | 6.411                  | 641.100.000 |
| 88 | Xã Xốp              | 6.249                  | 624.900.000 |
| 89 | Xã Đăk Kôi          | 5.942                  | 594.200.000 |
| 90 | Xã Sơn Tây Hạ       | 5.630                  | 563.000.000 |
| 91 | Xã Mô Rai           | 5.623                  | 562.300.000 |
| 92 | Xã Đăk Plô          | 5.586                  | 558.600.000 |
| 93 | Xã Ba Xa            | 5.440                  | 544.000.000 |
| 94 | Xã Ia Đal           | 4.746                  | 474.600.000 |
| 95 | Xã Đặng Thùy Trâm   | 4.522                  | 452.200.000 |
| 96 | Xã Cà Đam           | 4.350                  | 435.000.000 |